



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG

ngày tháng 05 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Thí nghiệm**
Laboratory: **Testing Center**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Hóa học Rong Chang (Việt Nam)**
Organization: **Rongchang Chemical Science Technology (Vietnam) Co., LTD**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1348**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**
Field: **Chemical**

Người quản lý: **Phùng Nho Hải**
Laboratory manager: **Feng Ruhai**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày / 05 / 2025 đến ngày 05 / 02 / 2027**

Địa chỉ: **Lô 79+80 Đường N3 Cụm Công nghiệp An Xá, Xã Lộc An, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định**
Address:

Địa điểm: **Lô 79+80 Đường N3 Cụm Công nghiệp An Xá , Xã Lộc An, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định**
Location:

Điện thoại/ Tel: **022-8382 8139**

Email: **hai.feng@rcichemical.com**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1348

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Các sản phẩm sơn dùng trong đồ chơi <i>Paint product for toy</i>	Xác định hàm lượng Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se Phương pháp axit và phân tích bằng ICP-OES. <i>Determination of Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se content Acid digestion and analysis by ICP-OES method</i>	As: 5,0 mg/kg Sb: 5,0 mg/kg Ba: 5,0 mg/kg Cd: 5,0 mg/kg Cr: 5,0 mg/kg Pb: 5,0 mg/kg Hg: 5,0 mg/kg Se: 5,0 mg/kg	ISO 8124-5:2015
2.		Xác định hàm lượng Pb Phương pháp axit và phân tích bằng ICP-OES <i>Determination of Pb content Acid digestion and analysis by ICP-OES method</i>	5,0 mg/kg	US CPSC-CH-E1003-09.1:2011
3.		Xác định hàm lượng kim loại thôi nhiễm Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se Sử dụng bể điều nhiệt có lắc và phân tích bằng thiết bị ICP-OES <i>Determination of the soluble migrated elements Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se content Use Thermostat Water Bath Shake method and analysis by ICP-OES</i>	Sb: 5,0 mg/kg As: 5,0 mg/kg Ba: 5,0 mg/kg Cd: 5,0 mg/kg Cr: 5,0 mg/kg Pb: 5,0 mg/kg Hg: 5,0 mg/kg Se: 5,0 mg/kg	ISO 8124-3:2020 +Amd1:2023 TCVN 6238-3:2011 AS/NZS ISO 8124-3:2021 GB 6675.4-2014

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1348

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
4.	Các sản phẩm sơn dùng trong đồ chơi <i>Paint product for toy</i>	Xác định hàm lượng mức xâm nhập của các độc tố: Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se, Al, B, Co, Cu, Mn, Ni, Sr, Sn, Zn Sử dụng bể điều nhiệt có lắc và phân tích bằng thiết bị ICP-OES <i>Determination of the soluble Migrated Elements: Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se, Al, B, Co, Cu, Mn, Ni, Sr, Sn, Zn</i> <i>Use Thermostat Water Bath Shake method and analysis by ICP-OES</i>	Al: 2,5 mg/kg As: 2,5 mg/kg B: 5,0 mg/kg Ba: 2,5 mg/kg Cd: 2,5 mg/kg Co: 2,5 mg/kg Cr: 2,5 mg/kg Cu: 2,5 mg/kg Hg: 5,0 mg/kg Mn: 2,5 mg/kg Ni: 2,5 mg/kg Pb: 5,0 mg/kg Sb: 5,0 mg/kg Se: 2,5 mg/kg Sn: 2,5 mg/kg Sr: 2,5 mg/kg Zn: 5,0 mg/kg	EN 71-3: 2019+A1:2021(E) BS EN 71-3: 2019+A1:2021(E)
5.		Xác định hàm lượng kim loại thời nhiễm: Cr 6+ Sử dụng bể điều nhiệt có lắc và phân tích bằng thiết bị IC-UV <i>Determination of the Soluble Migrated Elements : Cr 6+</i> <i>Use Thermostat Water Bath Shake method and analysis by IC-UV</i>	Cr 6+ : 0,020 mg/kg	EN 71-3: 2019+A1:2021(F) BS EN 71-3: 2019+A1:2021(F)
6.		Xác định hàm lượng kim loại thời nhiễm (Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se) Sử dụng bể điều nhiệt có lắc và phân tích bằng thiết bị ICP-OES <i>Determination of the Soluble Migrated Elements (Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se)</i> <i>Use Thermostat Water Bath Shake and analysis by ICP-OES</i>	Sb: 5,0 mg/kg As: 5,0 mg/kg Ba: 5,0 mg/kg Cd: 5,0 mg/kg Cr: 5,0 mg/kg Pb: 5,0 mg/kg Hg: 5,0 mg/kg Se: 5,0 mg/kg	ASTM F963-23 Clause 4.3.5.1 & Clause 8.3.1~8.3.4

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1348

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Các sản phẩm sơn dùng trong đồ chơi <i>Paint product for toy</i>	Xác định hàm lượng nguyên tố kim loại nặng (Cd, As, Se, Ba, Sb) Sử dụng bể điều nhiệt có lắc và phân tích bằng thiết bị ICP-OES <i>Determination of Extractable Heavy Metals (Cd, As, Se, Ba, Sb)</i> <i>Use Thermostat Water Bath Shake and analysis by ICP-OES</i>	Cd: 15 mg/kg As: 15 mg/kg Se: 20 mg/kg Ba: 15 mg/kg Sb: 20 mg/kg	Health Canada Product Safety Laboratory Reference Manual Book 5 - Part B: Method C03:2018
8.		Xác định hàm lượng Phthalates (DBP,BBP, DEHP, DNOP, DIDP, DINP,DIBP) Sử dụng soxhlet và thiết bị GC-MS <i>Determination of phthalates (DBP,BBP, DEHP, DNOP, DIDP, DINP,DIBP) content</i> <i>Use soxhlet extractor and analysis by GC-MS</i>	DBP, BBP, DEHP, DNOP, DIBP: 10 mg/kg; DINP, DIDP: 50mg/kg	ISO 8124-6:2023 GB/T 22048:2022
9.		Xác định hàm lượng Phthalates (DBP, BBP, DEHP, DINP, DPENP, DCHP, DNHP, DIBP) Sử dụng máy rửa siêu âm và thiết bị GC-MS <i>Determination of phthalates (DBP, BBP, DEHP, DPENP, DCHP, DINP, DNHP, DIBP)</i> <i>Use ultrasonic cleaner and analysis by GC-MS</i>	(DBP, BBP, DEHP, DINP, DPENP, DCHP, DNHP, DIBP) 37.5 mg/kg	RCTC-WI-01-010:2023 (Ref: US CPSC-CH- C1001-09.4:2018)
10.		Xác định hàm lượng kim loại thôi nhiễm (Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se) Sử dụng bể điều nhiệt có lắc và phân tích bằng thiết bị ICP-OES <i>Determination of the Soluble Migrated Elements (Sb, As, Ba, Cd, Cr, Pb, Hg, Se) content</i> <i>Use Thermostat Water Bath Shake and analysis by ICP-OES</i>	Sb: 5,0 mg/kg As: 5,0 mg/kg Ba: 5,0 mg/kg Cd: 5,0 mg/kg Cr: 5,0 mg/kg Pb: 5,0 mg/kg Hg: 5,0 mg/kg Se: 5,0 mg/kg	Japan Toy Association Toy Safety standard ST2016-Part 3 Clause 1.5& 2.7

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1348

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
11.		Xác định hàm lượng nguyên tố kim loại nặng (Cd, As, Se, Ba, Sb) Sử dụng bể điều nhiệt có lắc và phân tích bằng thiết bị ICP-OES <i>Determination of Extractable Heavy Metals (Cd, As, Se, Ba, Sb)</i> <i>Use Thermostat Water Bath Shake and analysis by ICP-OES</i>	Cd: 12,5 mg/kg As: 12,5 mg/kg Se: 12,5 mg/kg Ba: 12,5 mg/kg Sb: 12.5 mg/kg	CCPSA Test Method C08.1:2022
12.	Các sản phẩm sơn dùng trong đồ chơi <i>Paint product for toy</i>	Xác định hàm lượng Polycyclic Aromatic Hydrocarbons (PAHs) Sử dụng máy rửa siêu âm và thiết bị GC-MS <i>Determination of Polycyclic Aromatic Hydrocarbons (PAHs)</i> <i>Use ultrasonic cleaner and analysis by GC-MS</i>	(Naphthalene; Phenanthrene; Pyrene; Anthracene; Fluoranthene; Benzo[a]pyrene; Benzo[e]pyrene; Benzo[a]anthracene; Chrysen; Dibenzeno[a,h]anthracene; Benzo[g,h,i]perylene; Indeno[1,2,3-cd]pyrene) mỗi hợp chất/ each compound: 0,2 mg/kg. Sum of (Benzo[b]fluoranthene; Benzo[j]fluoranthene; Benzo[k]fluoranthene): 0,6 mg/kg	RCTC-WI-01-020:2023 (Ref: AfPS GS 2019:01 PAK)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1348**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
13.	Lớp phủ sơn trong đồ chơi <i>Paint coating for toy</i>	Xác định hàm lượng monomer (formaldehyde, Bisphenol A) Sử dụng bể điều nhiệt và phân tích bằng thiết bị HPLC-VWD/FLD <i>Determination of monomer content (formaldehyde, Bisphenol A) Use Thermostat Water Bath Shake and analysis by HPLC-VWD/FLD</i>	Formaldehyde: 0,15mg/L Bisphenol A: 0,0025mg/L	EN71- 9:2005+A1:2007 EN71-10:2005 EN71-11:2005

Chú thích/Note:

- ISO: Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hoá / *International Organization for Standardization*
- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/*Vietnamese National Standards*
- EN: Tiêu chuẩn châu Âu/ *European standard*
- BS: Tiêu chuẩn anh/ *British standard*
- GB/T: Tiêu chuẩn quốc gia Trung Quốc/ *Chinese National Standards*
- AS/NZS: Tiêu chuẩn Úc/ Newzealand/ *Australian/ New Zealand Standard*
- US CPSC: Ủy ban an toàn sản phẩm tiêu dùng Hoa Kỳ / *Consumer product safety commission (United States)*
- ASTM: Tiêu chuẩn hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*
- ST: Tiêu chuẩn an toàn đồ chơi của hiệp hội đồ chơi Nhật Bản/*The Japan Toy Association Toy safety standard*
- *Health Canada Product Safety Laboratory Reference Manual*: Hướng dẫn sử dụng tài liệu tham khảo của PTN an toàn sản phẩm bộ y tế Canada
- CCPSA: Đạo luật an toàn sản phẩm tiêu dùng của Canada/*Canada Consumer Product Safety Act*
- AfPS: Ủy ban An toàn Sản phẩm/*Product Safety Commission*
- RCTC-WI: Phương pháp thử nội bộ/*Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Hóa học Rong Chang (Việt Nam) cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Hóa học Rong Chang (Việt Nam) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Rongchang Chemical Science Technology (Vietnam) Co., LTD that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*